

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06/7/2022

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lò Văn Dinh**.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Khoàng Văn Hặc**.

2. Ông: **Nguyễn Khắc Thiện**.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Phụng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mường Chà tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 25/2022/HNGĐ-ST ngày 04/4/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022. Theo quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị S T K – Sinh năm: 1998 – Có mặt.

Địa chỉ: Bản H L C, xã H N, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh V A X – Sinh năm: 1997 – Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Bản H L C, xã H N, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 10/11/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị S T K trình bày:

- **Về hôn nhân:** Chị và anh V A X sau một thời gian tìm hiểu, anh chị muốn được xây dựng gia đình chung sống cùng với nhau, anh chị tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, anh chị về chung sống với nhau từ tháng 03/2013, cho đến ngày 16/6/2017 anh chị mới đến UBND xã H N, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên đăng ký kết hôn với nhau. Anh chị về sống với nhau hạnh phúc, cho đến năm 2020 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là

do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày không còn tìm được tiếng nói chung, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, cho đến tháng 8/2021 chị không thể chịu đựng được chị đã bỏ về nhà bố mẹ của chị ở và anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh X được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh V A X

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung. Cháu V T T N sinh ngày 10/08/2014 và cháu V A N sinh ngày 28/02/2017. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cả 02 cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và chị không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản gì đáng giá, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh chị không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh V A X vắng mặt, tuy nhiên tại đơn đề nghị cũng như trong quá trình giải quyết anh trình bày:

Anh và chị K sau một thời gian tìm hiểu, anh chị tiến tới hôn nhân tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, về chung sống với nhau 03/2013, cho đến ngày 16/6/2017 anh chị mới đến UBND xã H N, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên đăng ký kết hôn với nhau. Anh chị về sống với nhau hạnh phúc, cho đến thời gian gần đây anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, mỗi người một tính cách khác nhau, từ đó thường xuyên xảy ra cãi nhau, trong cuộc sống ngày càng xảy ra cãi nhau nhiều hơn, cho đến tháng 8/2021 chị K đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở và anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị K. Vì anh cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị K.

* Về con chung: Anh chị có 02 con chung. Cháu V T T N sinh ngày 10/08/2014 và cháu V A N sinh ngày 28/02/2017. Khi ly hôn anh có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cả 02 cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và anh không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con cùng với anh.

- Về tài sản chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh chị không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.-

- Về nguyện vọng của cháu V T T N sinh ngày 10/08/2014, nếu bố mẹ ly hôn với nhau, cháu có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ.

* Quá trình xác minh của Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án TAND huyện Mường Chà tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị K và anh X tại Bản H L C, xã H N, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên: Chị K và anh X về chung sống với nhau từ tháng 03/2013, cho đến ngày 16/6/2017 anh chị mới đến UBND xã H N, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên đăng ký kết hôn với nhau,

anh chị về chung sống và đăng ký kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh chị sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay. Chị K và anh X hiện đều đang làm ruộng, nương tại địa phương, thu nhập hàng tháng đủ ăn, cả hai anh chị đều có điều kiện nuôi con ngang nhau.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đồng thời đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 228/BLTTDS; Điều 8, Điều 9, Điều 51, 53, 54 và Điều 56, 57, Điều 58, Điều 69, 70, 71 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị S T K. Tuyên xử cho chị S T K được ly hôn với anh V A X. Về con chung giao cháu V T T N sinh ngày 10/08/2014 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Giao cháu V A Na sinh ngày 28/02/2017 cho anh X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Anh X không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị K. Chị K không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh X. Về tài sản và nợ chung của vợ chồng không có, không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị S T K là dân tộc thiểu số, sinh sống nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của chính phủ. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị K là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con khi ly hôn, nguyên đơn và bị đơn cùng trú tại bản H L C, xã H N, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Vậy, Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh X đều có mặt tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh chị không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh X, tuy nhiên tại phiên tòa lần thứ nhất, anh X vắng mặt không có lý do nên Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa. Anh V A X được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, chị S T K có mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh X theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân chị K và anh X về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 03/2013, cho đến ngày 16/6/2017 anh chị mới đến UBND xã H N, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên đăng ký kết hôn với nhau. Việc anh chị đăng ký kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, tuân thủ các quy định của luật hôn nhân và gia đình. Vậy cuộc hôn nhân giữa chị K và anh X là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống chung của anh, chị hoà thuận, hạnh phúc chỉ được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày không còn tìm được tiếng nói chung, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đỉnh điểm cao nhất việc mâu thuẫn giữa vợ chồng là vào tháng 8 năm 2021 chị K đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Xét thấy chị S T K và anh V A X sống ly thân với nhau từ tháng 8/2021 không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy, HĐXX cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị K đối với anh X. Tuyên xử cho chị S T K được ly hôn với anh V A X là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung. Cháu V T T N sinh ngày 10/08/2014 và cháu V A Na sinh ngày 28/02/2017. Trong quá trình giải quyết anh chị đều có nguyện vọng, khi ly hôn muốn được trực tiếp trông nom chăm sóc cho cả 02 con chung và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét về điều kiện nuôi con, quá trình xác minh cho thấy anh X và chị K đều có điều kiện chăm sóc nuôi con như nhau. Anh chị đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung ngang nhau. Xét nguyện vọng của cháu V T T N sinh ngày 10/08/2014 và cháu V A Na sinh ngày 28/02/2017 đã trên 36 tháng tuổi. Xét thấy để cho một bên trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của các cháu. Vậy để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của anh chị và đảm bảo cuộc sống hàng ngày của các cháu, cần giao cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung.

Do đó áp dụng các Điều 58; 69; 70; 71; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Cần giao cháu V T T N sinh ngày 10/08/2014 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Giao cháu Vàng A Nhữ sinh ngày 28/02/2017 cho anh X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Anh X không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị K. Chị K không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh X.

Anh V A X và chị S T K đều được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị K và anh X đều có ý kiến là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5]. Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6]. Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét và có quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật; Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[7]. Về án phí: Chị S T K là dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, do đó cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị S T K là phù hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

* Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 69, 70, 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị S T K. Chị S T K được ly hôn với anh V A X.

2. Về con chung: - Giao cháu V T T N sinh ngày 10/08/2014 cho chị S T K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị K không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

- Giao cháu V A N sinh ngày 28/02/2017 cho anh V A X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Anh X không yêu chị K cấp dưỡng nuôi con cùng với anh.

Chị S T K và anh V A X đều được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị S T K.

* Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị S T K có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 06/7/2022. Bị đơn anh V A X vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- P.KT NV– THA TAND tỉnh ĐB;
- Viện kiểm sát huyện Mường Chà;
- Chi cục THADS huyện Mường Chà;
- UBND xã H N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dinh